

Bản án số: 13/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 23-7-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

*-Thư ký phiên tòa:* Ông Mai Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Dương Thị N**, sinh năm 1995; đăng ký HKTT: Thôn Q, xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; hiện trú tại: Khu dân cư B, phường A, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Quốc H**, sinh năm 1983; đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Q, xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

(Chị N vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh H và ông H đều vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Dương Thị N trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quốc H kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/7/2015 tại UBND xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống cùng gia đình chồng ở thôn Q, xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm

2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, anh H không tu chí làm ăn, thường xuyên chơi bời dẫn đến nợ tiền của nhiều người. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên giải, động viên nhưng anh H không nghe, do vậy hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau, tình cảm không thể hàn gắn được. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên khoảng tháng 01/2018, chị đã đưa con về nhà bố mẹ để sinh sống, chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 07/01/2016, từ khi anh chị ly thân nhau đến nay con vẫn ở cùng với chị, anh H không có trách nhiệm gì với con. Chị xin được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hiện chị làm công nhân may, thu nhập trung bình là 6.000.000đ/tháng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản, tài liệu cho bị đơn là anh Nguyễn Quốc H và nhiều lần triệu tập, nhưng anh H không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

Kết quả làm việc với đại diện UBND xã T và các đoàn thể và chính quyền thôn Q đều được cung cấp: Anh H, chị N được tự do tìm hiểu tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, anh H, chị N sinh sống ở địa phương, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H không chịu khó làm ăn, chơi bời dẫn đến nợ nần nhiều, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nên chị N đã đưa con về nhà bố mẹ để ở thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương được khoảng gần 02 năm nay, còn anh H đi làm tự do nay đây mai đó, thỉnh thoảng có về nhà rồi lại đi, còn anh H làm gì, ở đâu, địa phương không nắm được, hiện anh H vẫn đăng ký hộ khẩu tại thôn Q, xã T. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, trường hợp có căn cứ cho ly hôn, đề Tòa án giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng vì con chung còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, anh H đi làm ăn xa, thường xuyên vắng mặt tại địa phương.

Cục quản lý xuất nhập cảnh của Bộ Công an xác nhận anh Nguyễn Quốc H không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất, nhập cảnh.

Người làm chứng là ông Nguyễn Xuân H (bố anh H) trình bày: Sau khi chị N, anh H kết hôn với nhau vào năm 2015, vợ chồng chị N, anh H chỉ hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được với nhau trong mọi việc, anh H mãi chơi, không quan tâm gì đến gia đình vợ con, dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, to tiếng với

nhau. Gia đình đã cố gắng động viên, khuyên giải nhưng tình cảm giữa anh chị không cải thiện được, từ đầu năm 2018 chị N đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sống, anh H đi làm ăn xa chỉ thỉnh thoảng có về qua nhà rồi lại đi, ông cũng không rõ hiện anh H làm gì, ở đâu. Khi Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đã trực tiếp thông báo cho anh H biết, anh H có trao đổi với ông, do công việc bận nên không về Tòa án làm việc, đề nghị Tòa án cứ giải quyết vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật nhưng anh H không đến tham gia nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 22/6/2020, bị đơn là anh Nguyễn Quốc H đã được triệu tập họp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa: Chị N vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác. Anh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị N là đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, chị N có đơn xin xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, HĐXX đã căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định pháp luật. Việc xét xử tại Tòa đã thực hiện đúng trình tự theo luật định. Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về... án phí, lệ phí Tòa án; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị N ly hôn anh H; giao cho chị N nuôi dưỡng con chung Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 07/01/2016 cho đến khi đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con; Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị N vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là anh H đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng

mặt không có lý do, căn cứ các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Dương Thị N và anh Nguyễn Quốc H tự nguyện kết hôn và được UBND xã T, huyện Tứ Kỳ đăng ký, cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/7/2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị N, biên bản xác minh tại địa phương, lời khai của người làm chứng (ông H) có căn cứ xác định trong cuộc sống chị N và anh H có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, cũng như làm ăn phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm. Bên cạnh đó, anh H mãi chơi, không tu chí làm ăn, dẫn đến nợ nần nhiều. Căn cứ vào các tài liệu Tòa án thu thập được xác định anh H hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Q, xã T, hiện đi làm ăn tự do, thỉnh thoảng có về nhà khi có công việc rồi lại đi. Chị N đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn tại thời điểm khởi kiện và đã được UBND xã T xác nhận được coi là đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên khi anh H đi làm ăn nơi khác gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nhưng không thông báo cho chị N biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự được coi là cố tình giấu địa chỉ, gây khó khăn cho chị N trong việc ly hôn. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, anh H cũng không về Tòa án để làm việc, tham gia hoà giải theo các văn bản đã được Tòa án giao cho người thân, chứng tỏ anh H không có thiện chí đoàn tụ, chị N vẫn cương quyết ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị N, anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị N được ly hôn anh H là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu xin được nuôi dưỡng con chung của chị N và tự nguyện không yêu cầu anh H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, thấy rằng: Cháu N1 ở với chị N từ nhỏ, khi vợ chồng ly thân, cháu N1 vẫn do chị N nuôi dưỡng, phát triển bình thường. Tính đến ngày xét xử, mặc dù con chung đã trên 36 tháng tuổi nhưng vẫn còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Hiện chị N làm công nhân, có thu nhập trung bình 6.000.000 đồng/tháng, chị N không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, bố mẹ đẻ chị N là ông T, bà T1 có quan điểm sẽ hỗ trợ chị N trong việc chăm sóc con chung với những điều kiện tốt nhất, anh H làm nghề tự do, nay đây mai đó không ổn định, đại diện chính quyền và các đoàn thể xã T cũng đề nghị giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, HĐXX giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 07/01/2016 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 227, 228, 238, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Dương Thị N ly hôn anh Nguyễn Quốc H.

2. Về con chung: Giao cho chị Dương Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 07/01/2016 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị N, không yêu cầu anh H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Dương Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền chị đã nộp 300.000đ theo biên lai số AA/2017/0009779 ngày 05/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã T, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Quân**